

PHÁT HUY NĂNG LỰC TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU CỦA SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

PGS. TS. PHẠM MINH HÙNG
 Trưởng Đại học Vinh

Đặt vấn đề

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là một phương thức đào tạo tiên tiến, được áp dụng rộng rãi trong các trường đại học trên thế giới. Để giáo dục đại học Việt Nam có thể nhanh chóng hội nhập được với giáo dục đại học thế giới, cần phải nhanh chóng chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, giai đoạn 2006-2020 đã chỉ rõ: "Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ngoài nước".

Như vậy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã trở thành một xu thế tất yếu của giáo dục đại học Việt Nam trong những thập niên đầu của thế kỉ XXI. Một điểm quan trọng của phương thức đào tạo tiên tiến này là đòi hỏi về sự chủ động, tích cực của sinh viên, trong việc tự học, tự nghiên cứu. Chính vì thế, việc phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ là vấn đề hết sức cấp thiết hiện nay.

1. Những đặc trưng và ưu thế của đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.1. Những đặc trưng của đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ có một số đặc trưng cơ bản sau đây:

- Kiến thức được cấu trúc thành các mô-đun (học phần);
- Quá trình học tập là sự tích lũy kiến thức của sinh viên theo từng học phần;
- Sinh viên tự đăng kí kế hoạch học tập và tổ chức lớp học theo học phần;
- Đơn vị học vụ là học kì, xét kết quả học tập theo học kì chính (mỗi năm học có hai học kì chính và một học kì phụ);
- Kết quả học tập các học phần của sinh viên được đánh giá theo quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, điểm giữa kì và điểm thi kết thúc học phần);
- Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4;
- Quy định khối lượng kiến thức phải tích lũy (số tín chỉ tích lũy tối thiểu) cho từng văn bằng;

- Có hệ thống cố vấn học tập;
- Chương trình đào tạo mềm dẻo, có tính liên thông cao, ngoài các học phần bắt buộc còn có các học phần tự chọn để sinh viên có điều kiện tích lũy thêm kiến thức cho định hướng chuyên môn nghề nghiệp;
- Bắt buộc áp dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên ...

1.2. Những ưu thế của đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ có những ưu thế sau đây:

- Tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển năng lực của người học.

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc đăng kí kế hoạch học tập theo điều kiện và năng lực của mình. Những sinh viên giỏi có thể đăng kí học tối đa số lượng tín chỉ quy định trong từng học kì để rút ngắn thời gian học đại học. Những sinh viên có học lực bình thường hoặc yếu có thể kéo dài thời gian học tập trong trường và tốt nghiệp muộn hơn.

- Sinh viên có nhiều cơ hội hơn trong việc học cùng lúc hai chương trình để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

Ngay trong đào tạo theo niên chế - học phần, sinh viên cũng có thể học cùng lúc hai chương trình. Tuy nhiên, để học cùng lúc hai chương trình, sinh viên gặp rất nhiều khó khăn trong việc bố trí kế hoạch học tập của mình. Vì thế, có nhiều sinh viên đã buộc phải hủy bỏ việc học chương trình thứ hai.

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên tự sắp xếp kế hoạch học tập của mình để vừa đảm bảo học chương trình thứ nhất, vừa theo học chương trình thứ hai.

- Việc tổ chức đào tạo khoa học, mềm dẻo và linh hoạt.

So với đào tạo theo niên chế - học phần, đào tạo theo hệ thống tín chỉ đòi hỏi việc tổ chức quá trình đào tạo phải rất khoa học trong tất cả mọi khâu, từ khâu xây dựng chương trình đào tạo; đăng kí học phần của sinh viên; tổ chức lớp học phần; triển khai dạy học; quản lí sinh viên đến khâu kiểm tra- đánh giá kết quả học tập của sinh viên... Toàn bộ quá trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quản lí bằng phần mềm.



Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các ngành đào tạo trong và ngoài trường; đáp ứng nhu cầu học tập khác nhau của sinh viên, quá trình đào tạo, chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ cũng phải rất linh hoạt, mềm dẻo.

2. Sự cần thiết trong việc phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sở dĩ cần phải phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên vì những lí do sau đây:

2.1. Đáp ứng yêu cầu giảm giờ lên lớp, tăng giờ tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, thông thường giảng viên chỉ lên lớp 50%, thời gian còn lại dành cho các hoạt động độc lập (như thí nghiệm, thực hành, seminar, tự học, tự nghiên cứu...) của sinh viên. Vì thế, nếu sinh viên không tích cực, tự giác trong việc thực hiện các hoạt động độc lập (chủ yếu là tự học, tự nghiên cứu) thì không thể đáp ứng được yêu cầu học tập theo hệ thống tín chỉ. Họ sẽ thiếu hụt đi một khối lượng kiến thức, kĩ năng cần thiết trong từng học phần cũng như toàn bộ chương trình đào tạo của ngành học. Nếu cho rằng học theo hệ thống tín chỉ "nhẹ nhàng" hơn với sinh viên thì đó là một sự nhận thức sai lầm. Không phải lên lớp nhiều nhưng đào tạo theo hệ thống tín chỉ lại đòi hỏi sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu nhiều hơn trước đây.

2.2. Hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên

Năng lực và thói quen tự học, tự nghiên cứu rất quan trọng đối với sinh viên, không chỉ trong thời gian họ học đại học mà cả sau này, trong suốt cuộc đời của họ. Tuy nhiên, thói quen tự học, tự nghiên cứu chỉ được hình thành ở sinh viên khi họ được thường xuyên tham gia vào hoạt động này. Thực tế cho thấy, chỉ có một số ít sinh viên là có thói quen tự học, tự nghiên cứu, còn phần lớn sinh viên không có thói quen này. Họ chỉ thực sự bắt tay vào tự học, tự nghiên cứu khi có "sức ép" từ phía nhà trường và giảng viên. Từ đó, ở họ dần dần mới hình thành được năng lực và thói quen tự học, tự nghiên cứu.

2.3. Đòi hỏi sinh viên phải sử dụng nhiều thời gian ngoài giờ lên lớp cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu

Ngoài thời gian học tập trên lớp, sinh viên còn sử dụng thời gian cho các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Theo kết quả nghiên cứu của một số tác giả về nhu cầu sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp của sinh viên thì vui chơi, giải trí là hoạt động mà sinh

viên có nhu cầu cao nhất. Hoạt động này thường chiếm nhiều thời gian ngoài giờ lên lớp của sinh viên. Trong khi đó, thời gian sinh viên dành cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu không nhiều mà nguyên nhân chính là do giảng viên chưa tạo được các biện pháp thúc đẩy việc tự học, tự nghiên cứu đối với họ.

3. Một số biện pháp nhằm phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Để phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo chúng tôi cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

3.1. Giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên

Sinh viên chỉ tự học, tự nghiên cứu khi họ có nhu cầu. Trong giai đoạn đầu, nhu cầu này xuất hiện từ việc giảng viên phải giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Giảng viên không thể trông chờ vào sự tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu mà giảng viên giao cho sinh viên phải mang tính chất bắt buộc. Sinh viên nhất thiết phải thực hiện các nhiệm vụ này. Để giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên, trong từng nội dung của học phần, giảng viên cần xác định rõ những kiến thức, kĩ năng nào cần cung cấp cho sinh viên; những kiến thức, kĩ năng nào sinh viên cần tự học, tự nghiên cứu.

Nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu mà giảng viên giao cho sinh viên phải đa dạng, từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Có nhiệm vụ sinh viên chỉ phải đọc một số trang của giáo trình nhưng có nhiệm vụ đòi hỏi sinh viên phải đọc nhiều tài liệu để có cái nhìn đa chiều về một vấn đề. Có nhiệm vụ thuần túy lí thuyết nhưng có nhiệm vụ sinh viên phải tiến hành các bài tập thực hành, thí nghiệm...

3.2. Có các hình thức phù hợp để sinh viên báo cáo kết quả tự học, tự nghiên cứu của mình

Kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên cần được báo cáo bằng các hình thức khác nhau. Có làm được điều này, giảng viên mới kiểm soát sinh viên có thực hiện các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu hay không? Kết quả thực hiện như thế nào? Tùy theo các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu mà sinh viên có các hình thức báo cáo thích hợp như: trả lời các câu hỏi của giảng viên trước hoặc trong các giờ học; thông báo các số liệu từ một bài tập điều tra; thực hành một nội dung đã học; trình diễn một kĩ năng đã được hình thành... Kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên phải được xem là một thành phần không thể thiếu được trong kết quả học tập chung của từng học phần.

3.3. Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên

Trong trường đại học, cùng với học tập, nghiên cứu khoa học là một hoạt động không thể thiếu được của sinh viên. Hai hoạt động này hỗ trợ cho nhau và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc gây áp lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

Tuy nhiên, để tự học, tự nghiên cứu có kết quả, sinh viên cần được bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu. Đây là vấn đề có ý nghĩa mấu chốt trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, khi thời gian học tập trên lớp giảm đi, thời gian dành cho các hoạt động độc lập của sinh viên tăng lên. Nếu sinh viên không tự học, tự nghiên cứu thì không thể đáp ứng được yêu cầu của đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Nội dung bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên bao gồm các vấn đề như: cách lập thư mục cho một chủ đề; cách đọc các loại tài liệu; cách thực hiện các nhiệm vụ học tập khác nhau; cách xác định một đề tài nghiên cứu khoa học; cách thu thập và xử lý các kết quả điều tra... Những nội dung này có thể lồng ghép trong các học phần của chương trình đào tạo (nhất là trong học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành học); cũng có thể biên soạn thành một chuyên đề trình bày trong hội nghị "Học tốt" của sinh viên...

3.4. Đổi mới phương pháp dạy học

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng trang bị cách học, phát huy tính chủ động của người học; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động dạy học... đã trở thành một yêu cầu bắt buộc trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Nếu trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, người giảng viên vẫn sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống, dựa trên cơ sở thuyết trình - diễn giảng là chủ yếu thì không thể nào nâng cao được chất lượng và hiệu quả của phương thức đào tạo này.

Khi đổi mới phương pháp dạy học, công việc chủ yếu của giảng viên ở trên lớp là phải tổ chức hoạt động nhận thức của sinh viên theo hướng gợi mở, phát hiện và giải quyết vấn đề. Với cách dạy này, đòi hỏi giảng viên phải nhanh chóng sử dụng và sử dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học mới như: phương pháp dạy học giải quyết vấn đề; phương pháp dạy học nghiên cứu; phương pháp dạy học hợp tác...

Còn sinh viên cũng phải đổi mới phương pháp học tập. Trong cách học của sinh viên cần chú trọng đến phương pháp tự học. Có hình thành được phương pháp tự học, sinh viên mới có thể thích ứng nhanh với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và việc học tập suốt đời, trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh tự

học, cần phải chú ý đến "cùng học". Cùng học (theo nhóm, tổ, lớp) mới rèn luyện cho sinh viên khả năng hợp tác, khả năng thuyết phục và khả năng quản lý.

3.5. Tạo ra một môi trường tự học, tự nghiên cứu thuận lợi cho sinh viên

Môi trường tự học, tự nghiên cứu ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Vì thế, việc tự học của sinh viên cần được diễn ra trong một môi trường thuận lợi. Các yếu tố của môi trường này bao gồm: sự hướng dẫn tự học chu đáo của giảng viên (mục đích, yêu cầu, nội dung, cách thức tự học, tự nghiên cứu...); hệ thống học liệu (tài liệu, giáo trình) đầy đủ; công tác kiểm tra tự học của sinh viên được tiến hành thường xuyên... Ngoài ra, cần quan tâm đến việc tổ chức các câu lạc bộ học tập theo ngành học của sinh viên như: Câu lạc bộ Nhà sử học trẻ đối với sinh viên ngành Lịch sử; Câu lạc bộ Doanh nhân tương lai đối với sinh viên ngành Kinh tế; Câu lạc bộ Tư vấn pháp lý đối với sinh viên ngành Luật...

Kết luận

Việc phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên là một yêu cầu cấp thiết trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Để có thể thực hiện hiệu quả vấn đề này cho sinh viên cần thực hiện đồng bộ các biện pháp mà chúng tôi đã đề xuất ở trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2005), *Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, giai đoạn 2006 - 2020.*
2. Phạm Minh Hùng (2010), *Một số giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với hoạt động dạy học của giảng viên và sinh viên trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục, số 244.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*

SUMMARY

Credit-based training is an advanced training mode, which is widely applied in universities across the world. This training mode requires students to be active, creative and independent in learning and research. The article has presented some measures that bring into play self-study capacities among students under credit-based training mode. These include: 1/ assigning self-study tasks for students; 2/ putting in place the appropriate forms for students to report their self-study results, 3/ fostering self-study methods for students; 4/ renovating teaching methods; and 5/ creating a favorable self-study environment for students.